

Trường Tiểu học..... Họ và tên: ..... <b>SBD</b> ..... Lớp: <b>5</b> .....	<b>ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II</b> MÔN: Toán Lớp 5 Năm học: 2018-2019 Thời gian: 40 phút
--	---

--	--

**TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Chọn ý đúng ghi vào bài làm.**

**Câu 1. (0,5 điểm)** Số bé nhất trong các số: 3,055; 3,050; 3,005; 3,505 là:

- a. 3,505                      b. 3,050                      c. 3,005                      d. 3,055

**Câu 2. (0,5 điểm)** Trung bình một người thợ làm một sản phẩm hết 1 giờ 30 phút. Người đó làm 5 sản phẩm mất bao lâu?

- a. 7 giờ 30 phút                      b. 7 giờ 50 phút  
 c. 6 giờ 50 phút                      d. 6 giờ 15 phút

**Câu 3. (0,5 điểm)** Có bao nhiêu số thập phân ở giữa 0,5 và 0,6:

- a. Không có số nào                      b. 1 số                      c. 9 số                      d. Rất nhiều số

**Câu 4. (0,5 điểm)** Hỗn số  $3\frac{9}{100}$  viết thành số thập phân là:

- a. 3,90                      b. 3,09                      c. 3,9100                      d. 3,109

**Câu 5. (1 điểm)** Tìm một số biết 20 % của nó là 16. Số đó là:

- a. 0,8                      b. 8                      c. 80                      d. 800

**Câu 6. (1 điểm)** Đúng điền Đ, sai điền S vào ô trống.

Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 36 dm<sup>2</sup>. Thể tích hình lập phương đó là:

- a. 27 dm<sup>3</sup>                        
 b. 2700 cm<sup>3</sup>                        
 c. 54 dm<sup>3</sup>                        
 d. 27000 cm<sup>3</sup>

**II. TỰ LUẬN:(4 điểm)**

**Bài 1. (1 điểm)** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a. 0,48 m<sup>2</sup> = ..... cm<sup>2</sup>                      b. 0,2 kg = ..... g

c.  $5628 \text{ dm}^3 = \dots\dots\text{m}^3$

d.  $3 \text{ giờ } 6 \text{ phút} = \dots\text{giờ}$

**Bài 2. (2 điểm)** Đặt tính và tính.

a.  $56,72 + 76,17$

b.  $367,21 - 128,82$

c.  $3,17 \times 4,5$

d.  $52,08 : 4,2$

**Bài 3. (2 điểm)** Quãng đường AB dài 180 km. Lúc 7 giờ 30 phút, một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 54 km/giờ, cùng lúc đó một xe máy đi từ B đến A với vận tốc 36 km/giờ. Hỏi:

Hai xe gặp nhau lúc mấy giờ?

Chỗ 2 xe gặp nhau cách A bao nhiêu ki-lô-mét?

**Bài 4: Tính nhanh (1 điểm)**

$+ 9\% + + 0,24$

..... Hết .....

### Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 5

#### TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

**Câu 1. (0,5 điểm)** Đáp án c

**Câu 2. (0,5 điểm)** Đáp án a

**Câu 3. (0,5 điểm)** Đáp án d

**Câu 4. (0,5 điểm)** Đáp án b

**Câu 5. (1 điểm)** Đáp án c

**Câu 6. (1 điểm)**

a.  $27 \text{ dm}^3$

b.  $2700 \text{ cm}^3$

c.  $54 \text{ dm}^3$

d.  $27000 \text{ cm}^3$

**Câu 6. (1 điểm)** đáp án C

**Câu 8. (1 điểm)** Mỗi ý đúng ghi 0,25 điểm

a.  $0,48 \text{ m}^2 = 4800 \text{ cm}^2$

b.  $0,2 \text{ kg} = 200 \text{ g}$

c.  $5628 \text{ dm}^3 = 5,628 \text{ m}^3$

d.  $3 \text{ giờ } 6 \text{ phút} = 3,1 \text{ giờ}$

#### II. TỰ LUẬN (6 điểm)

**Bài 1. (1 điểm)** Mỗi ý đúng ghi 0,25 điểm

a.  $0,48 \text{ m}^2 = 4800 \text{ cm}^2$

b.  $0,2 \text{ kg} = 200 \text{ g}$

c.  $5628 \text{ dm}^3 = 5,628 \text{ m}^3$

d.  $3 \text{ giờ } 6 \text{ phút} = 3,1 \text{ giờ}$

**Bài 2: (2 điểm)** Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính ghi 0,5 điểm

a. 132,89

b. 238,39

c. 14,265

d. 12,4

**Bài 3: (2 điểm)**

**Giải**

*Tổng hai vận tốc là:*

$$36 + 54 = 90 \text{ (km/ giờ)} \text{ (0,5 điểm)}$$

*Hai người gặp nhau sau:*

$$180 : 90 = 2 \text{ (giờ)} \text{ (0,5 điểm)}$$

*Hai người gặp nhau lúc:*

$$2 \text{ giờ} + 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút} = 9 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \text{ (0,5 điểm)}$$

*Chỗ gặp nhau cách A số km là:*

$$54 \times 2 = 108 \text{ (km)} \text{ (0,5 điểm)}$$

*Đáp số: a) 9 giờ 30 phút*

*b) 108 km*

**Bài 4: Tính nhanh (1 điểm)**

$$+ 9\% + + 0,24 = \frac{26}{100} + \frac{9}{100} + \frac{24}{100} = \frac{26+9+24}{100} = \frac{59}{100} = 0,59$$

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA TOÁN HKII – LỚP 5**

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Cộng
1	Số tự nhiên, phân số, hỗn số, Số thập phân, tỉ số phần trăm	Số câu	3	2			
		Câu số	Câu 1;4 Bài 1	câu 3;5			

2	<b>Đại lượng độ dài, khối lượng, diện tích, thể tích, thời gian</b>	Số câu		1		1	
		Câu số		Câu 8		Câu 7	
3	<b>Chu vi, diện tích, thể tích các hình thang, hình tam giác, hình tròn, hình hộp chữ nhật, hình lập phương</b>	Số câu			1		
		Số câu			Câu 6		
4	<b>Giải bài toán về chuyển động đều; bài toán có liên quan đến các phép tính với số đo thời gian, bài toán về tỉ số phần trăm (Tổng-Hiệu ; Tổng-Tỉ ; Hiệu – tỉ ; ít nhiều hơn)</b>	Số câu		1	1		
		Câu số		Câu 2	Bài 2		
<b>Tổng số câu</b>			3	4	2	1	10